

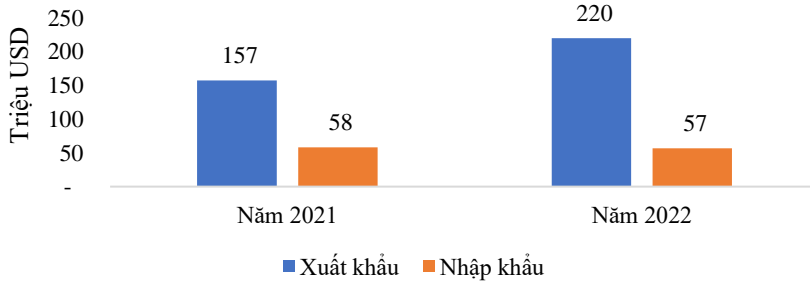
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

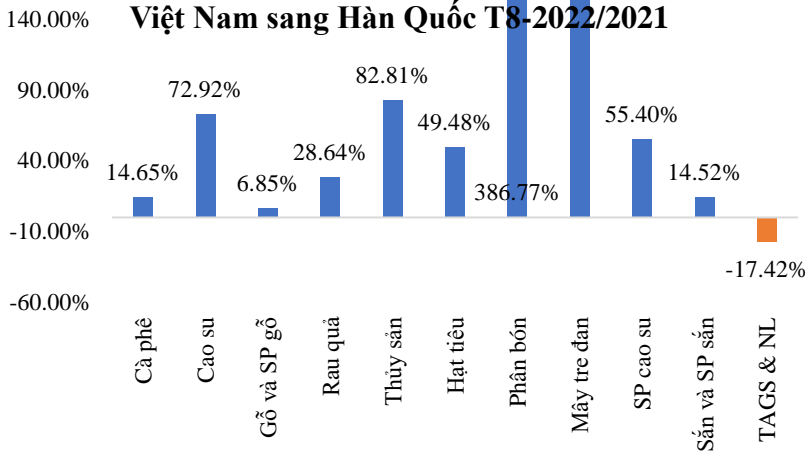
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T8-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T8-2022/2021**

Xuất khẩu	▲ 39,95 %
Nhập khẩu	▼ 2,58 %

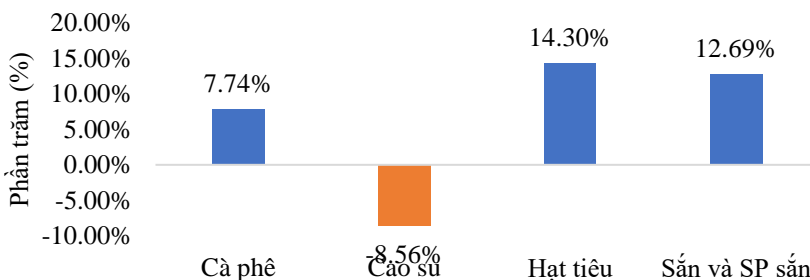
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T8-2022/2021**



So sánh T8-2022/2021

Cà phê	▲ 14,65%
Cao su	▲ 72,92%
Gỗ và SP gỗ	▲ 6,85%
Hàng rau quả	▲ 28,64%
Hàng thủy sản	▲ 82,81%
Hạt tiêu	▲ 49,48%
Phân bón	▲ 386,77%
Máy tre đan	▲ 167,16%
SP từ cao su	▲ 55,40%
Sản và SP sản	▲ 14,52%
TAGS & NL	▼ 17,42%

Biến động giá xuất khẩu bình quân T8-2022/2021



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T8-2022/2021**

Cà phê	▲ 7,74%
Cao su	▼ 8,56%
Hạt tiêu	▲ 14,30%
Sản và SP sản	▲ 12,69%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trong báo cáo “Triển vọng kinh tế châu Á 2022 sửa đổi” công bố ngày 21/9, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đã hạ tỷ lệ tăng trưởng kinh tế Hàn Quốc năm sau xuống còn 2,3%, giảm 0,3% so với mức 2,6% đưa ra hồi tháng 7. Con số này thấp hơn so với triển vọng của Chính phủ Seoul (2,5%), nhưng cao hơn so với dự báo của Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BOK) (2,1%), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) (2,1%) và Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) (2,2%).

ADB vẫn duy trì triển vọng tăng trưởng kinh tế năm nay của Hàn Quốc ở mức 2,6%. Chỉ số tăng giá tiêu dùng Hàn Quốc năm 2022 và 2023 dự báo sẽ lần lượt đạt 4,5% và 3%, tương tự báo cáo trước đó.

Người dân Hàn Quốc đang phải đối mặt với tình trạng giá kim chi tăng vọt, sau khi nắng nóng khắc nghiệt và mưa lũ quét sạch phần lớn cây cải thảo của đất nước, khiến món cải thảo muối trở nên đắt đỏ hơn rất nhiều và ngày càng khó mua. Theo dữ liệu từ truyền thông Hàn Quốc, giá cải thảo, nguyên liệu chính làm món kim chi, đã tăng hơn gấp đôi trong năm qua. Giá cải thảo đã tăng tới 41% chỉ trong tháng trước, lên khoảng 3.300 won (55.000 đồng)/kg. Công ty Thực phẩm và Nông sản Hàn Quốc cho biết giá củ cải trắng được sử dụng để làm một loại kim chi phổ biến khác cũng tăng mạnh hơn năm ngoái, tăng 146% trong năm qua, lên hơn 2.800 won (47.000 đồng)/kg.

Tổng cộng 450.000 tấn gạo sẽ được chính phủ mua trong năm nay để tăng giá. Hàn Quốc sẽ sản xuất dư khoảng 250.000 tấn gạo trong năm nay. Gạo do chính phủ mua sẽ được bổ sung vào kho dự trữ.

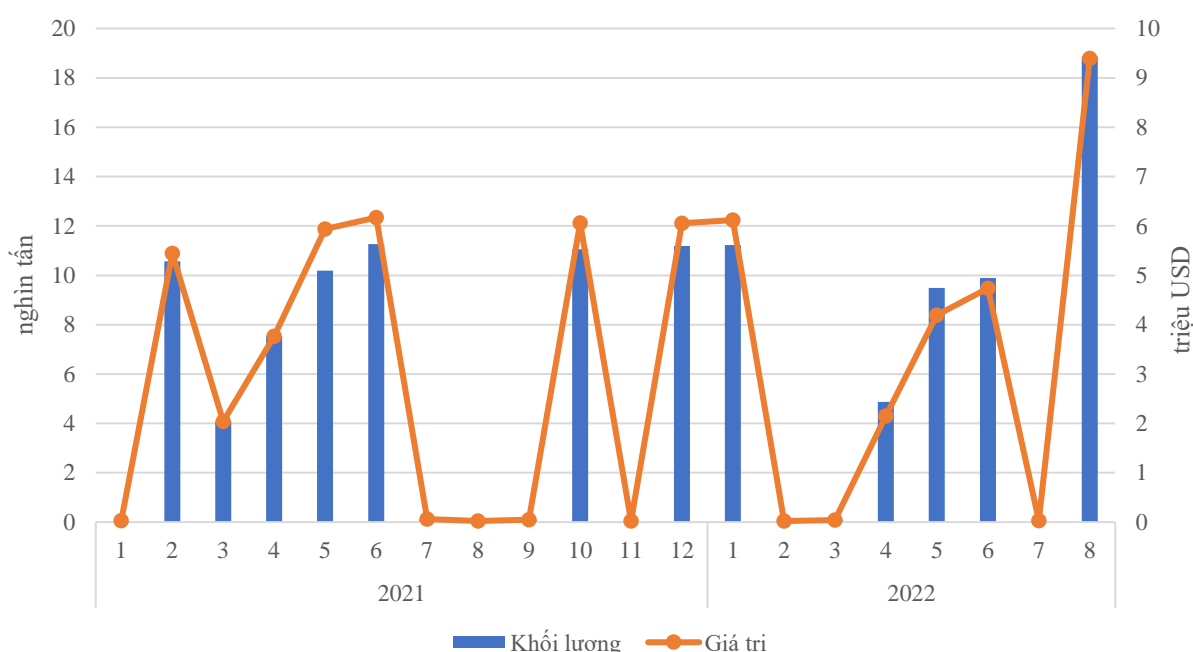
Tháng 8/2022, Việt Nam xuất khẩu 220,0 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 39,95% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, thủy sản có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 44,8%, thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với 33,6%, rau quả chiếm 6,5%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, thức ăn gia súc và nguyên liệu là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2022, Việt Nam xuất khẩu được 18,9 nghìn tấn gạo, trị giá 9,4 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng rất nhiều lần so với mức 0,1 nghìn tấn và trị giá 0,03 triệu USD của tháng trước; cũng như so với mức 0,04 nghìn tấn và 0,02 triệu USD của cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 8 tháng đầu năm 2022 đạt 54,5 nghìn tấn, trị giá 26,7 triệu USD, tăng 24,4% về khối lượng và 13,7% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

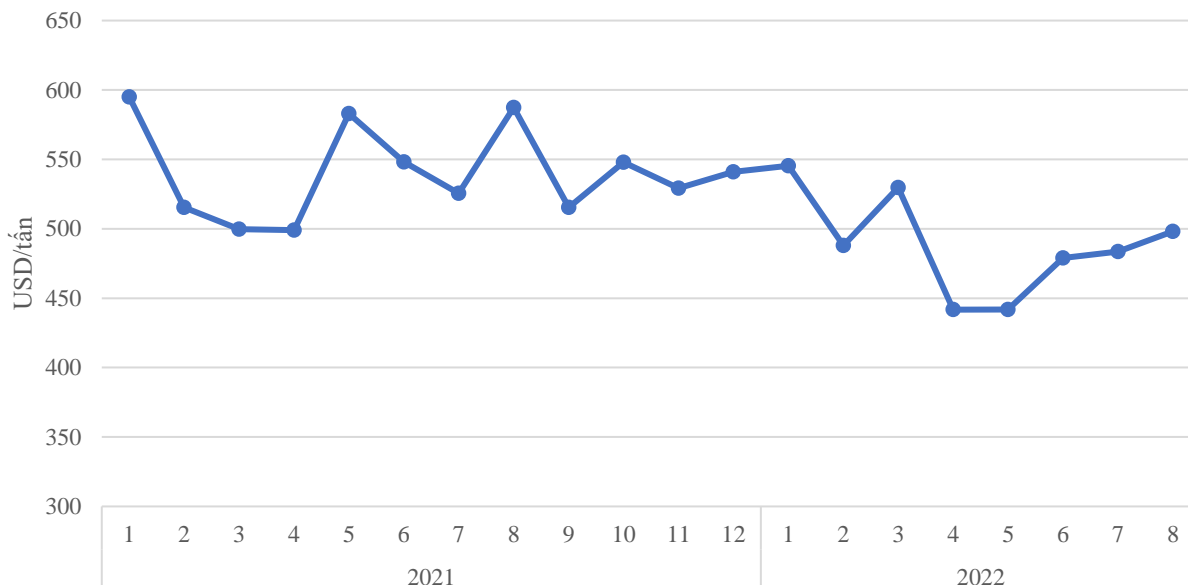
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2022 đạt 498,1 USD/tấn, tăng 3,0% so với tháng trước, nhưng giảm 15,2% so với cùng kỳ năm 2021.

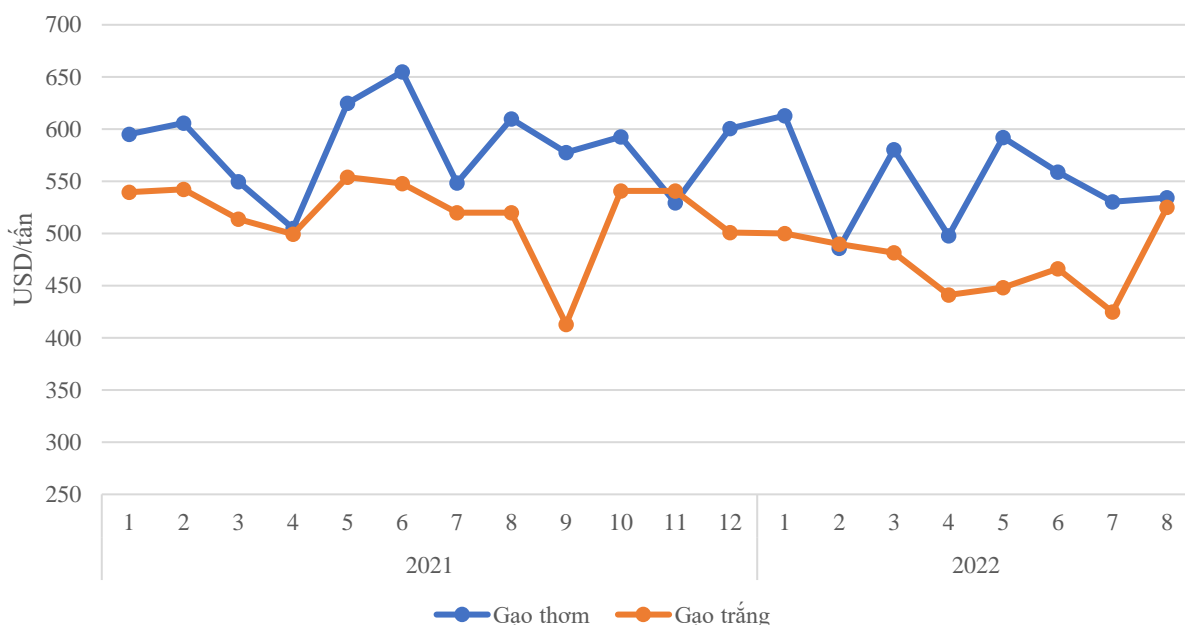
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,8% về khối lượng và 99,7% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 525,3 USD/tấn, tăng 23,6% so với tháng trước và 1,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



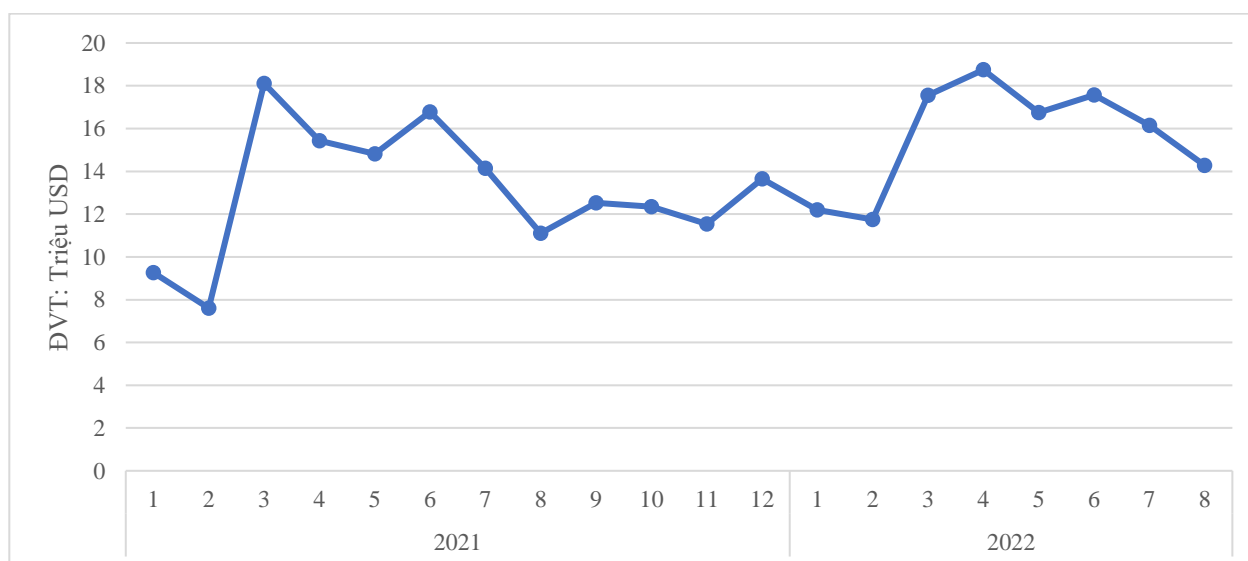
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Người dân Hàn Quốc đang phải đối mặt với tình trạng giá kim chi tăng vọt, sau khi nắng nóng khắc nghiệt và mưa lũ quét sạch phần lớn cây cải thảo của nước này. Giá cải thảo đã tăng tới 41% trong tháng trước, lên khoảng 3.300 won (55.000 đồng/kg). Ngoài ra, giá củ cải trắng được sử dụng để làm một loại kim chi phổ biến khác cũng tăng 146% trong năm qua, lên hơn 2.800 won (47.000 đồng/kg). Nhiều nhà hàng tại Hàn Quốc bắt đầu phụ thu giá kim chi thay vì cung cấp miễn phí cho thực khách như trước.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 8 năm 2022 đạt 14,3 triệu USD, chiếm 5,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 11,6% so với tháng trước và tăng 28,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 8 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 125 triệu USD (chiếm 5,7% thị phần), tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

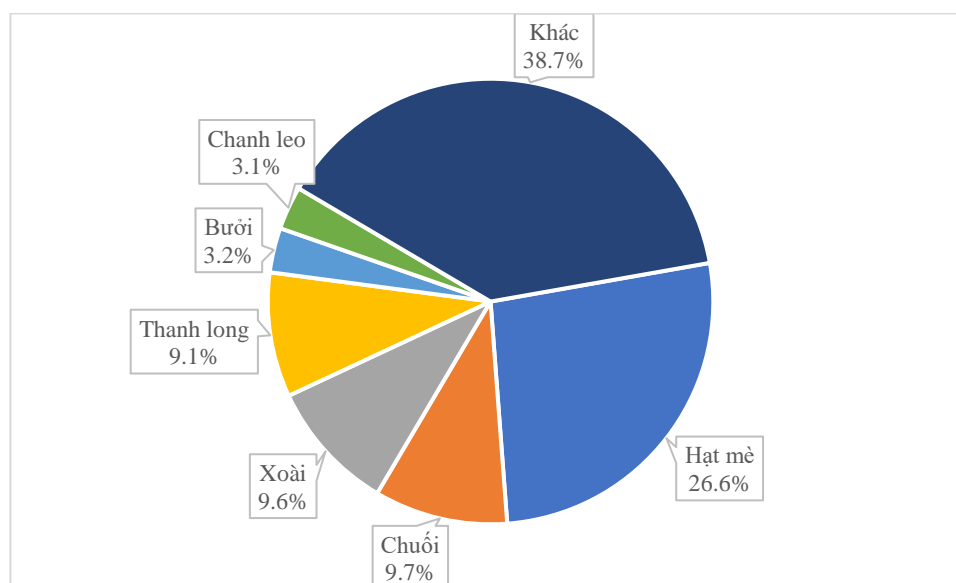


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 8 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,3 triệu USD (chiếm 44,4% thị phần, tăng 42,3% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,9 triệu USD (chiếm 55,6% thị phần), tăng 19,5%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,1 triệu USD, tăng 101,8% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,4 triệu USD (tăng 152,5%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 801,7 nghìn USD (tăng 179,1%); v.v.

Trong tháng 8 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,8 triệu USD (chiếm 26,6% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2021; chuối đạt 1,4 triệu USD (chiếm 9,7%), tăng 106,5%; xoài đạt 1,4 triệu USD (chiếm 9,6%), tăng 72,3%; thanh long đạt 1,3 triệu USD (chiếm 9,1%), tăng 82,1%; bưởi đạt 462,4 nghìn USD (chiếm 3,2%), tăng 185,7%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2022



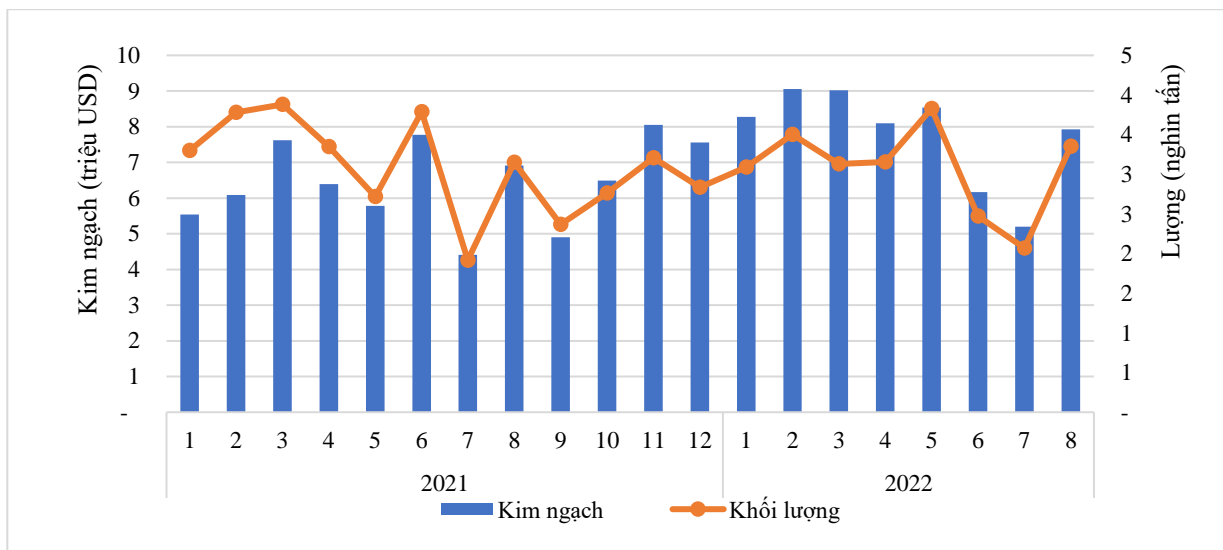
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 8 năm 2022 đạt 4,3 triệu USD, chiếm 2,2% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 8 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 36,5 triệu USD, chiếm 2,9% thị phần, tăng 45,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 8/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: rong biển đạt 1,6 triệu USD (chiếm 37,0%), giảm 16,2% so với cùng kỳ năm 2021; nho đạt 941,9 nghìn USD (chiếm 22,2%), tăng 101,3%; lê đạt 588,3 nghìn USD (chiếm 13,8%), tăng 90,3%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 8/2022 ước đạt 3,4 nghìn tấn với trị giá 7,9 triệu USD, tăng 62,1% về lượng và 52,5% về giá trị so với tháng trước, và tăng 6,4% về lượng và 14,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

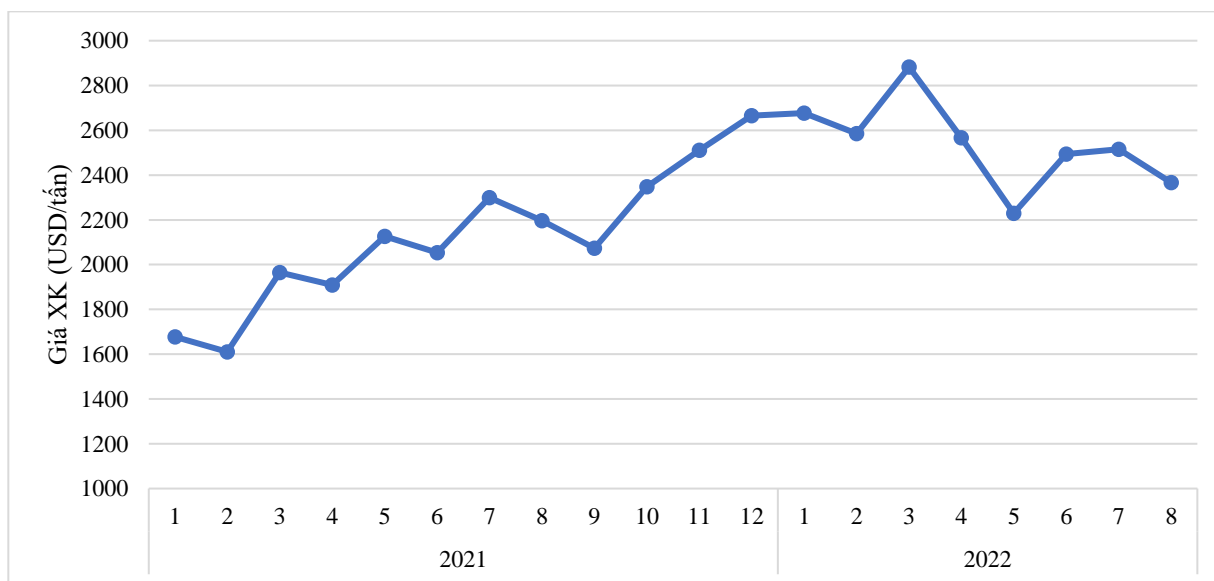
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.366 USD/tấn, giảm 5,9% so với tháng trước và tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước.

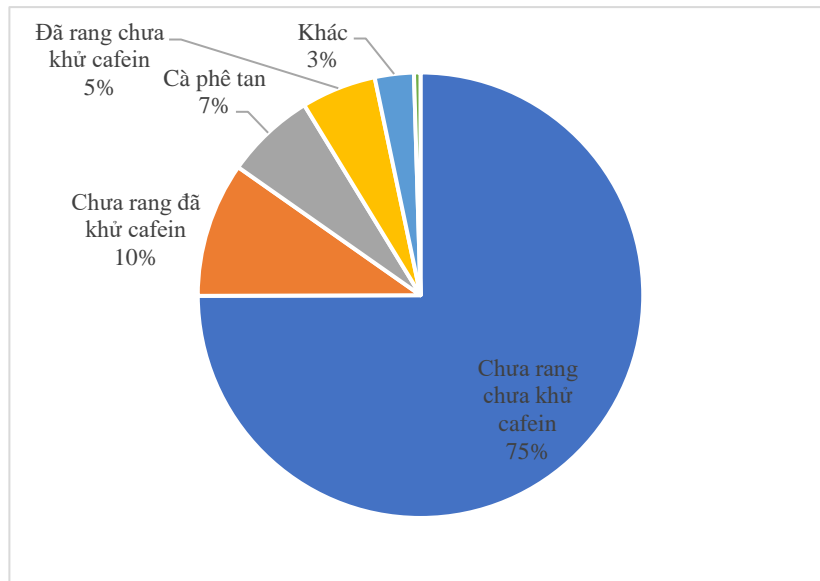
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 8/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 5,9 triệu USD, chiếm 75,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang đã khử cafein với kim ngạch 775,6 nghìn USD, chiếm 9,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê hòa tan chiếm 6,5% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 8/2022

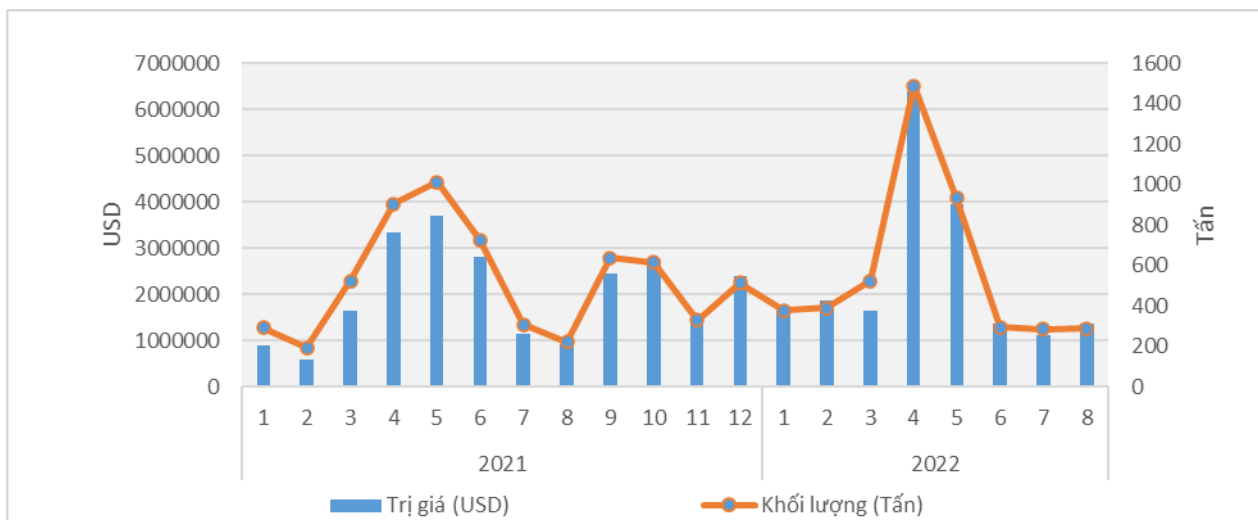


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 8/2022 tăng so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 289 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 1,35 triệu USD, tăng 1,4% về khối lượng và 20,78% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu hồ tiêu sang Hàn Quốc tăng 30,77% về khối lượng và 49,48% về giá trị.

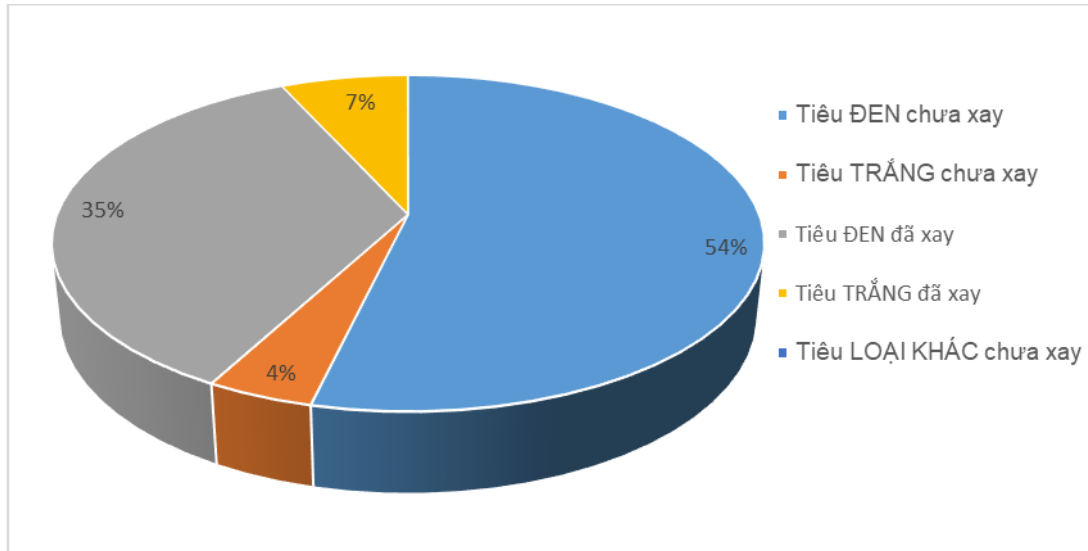
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 8/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 54% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 29,13% so với tháng trước và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu đen đã xay, chiếm 35%, tiếp theo là tiêu trắng đã xay chiếm 7%, cuối cùng là tiêu trắng chưa xay chiếm 4%.

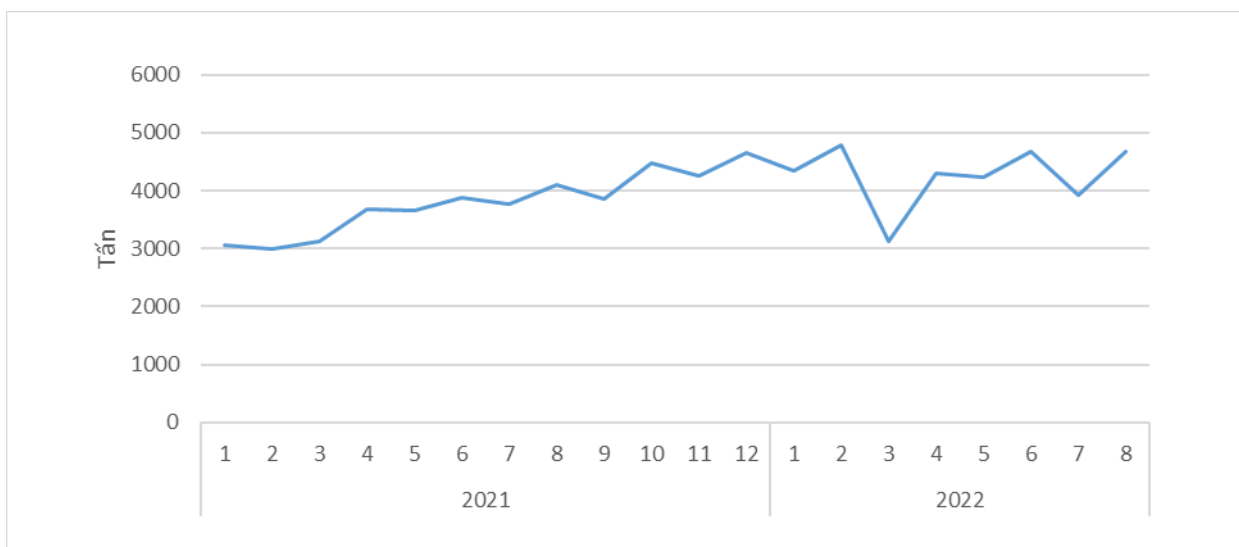
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 7/2022 đã tăng trở lại, đạt 4.681USD/tấn, tăng 19,1% so với tháng trước và 14,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)



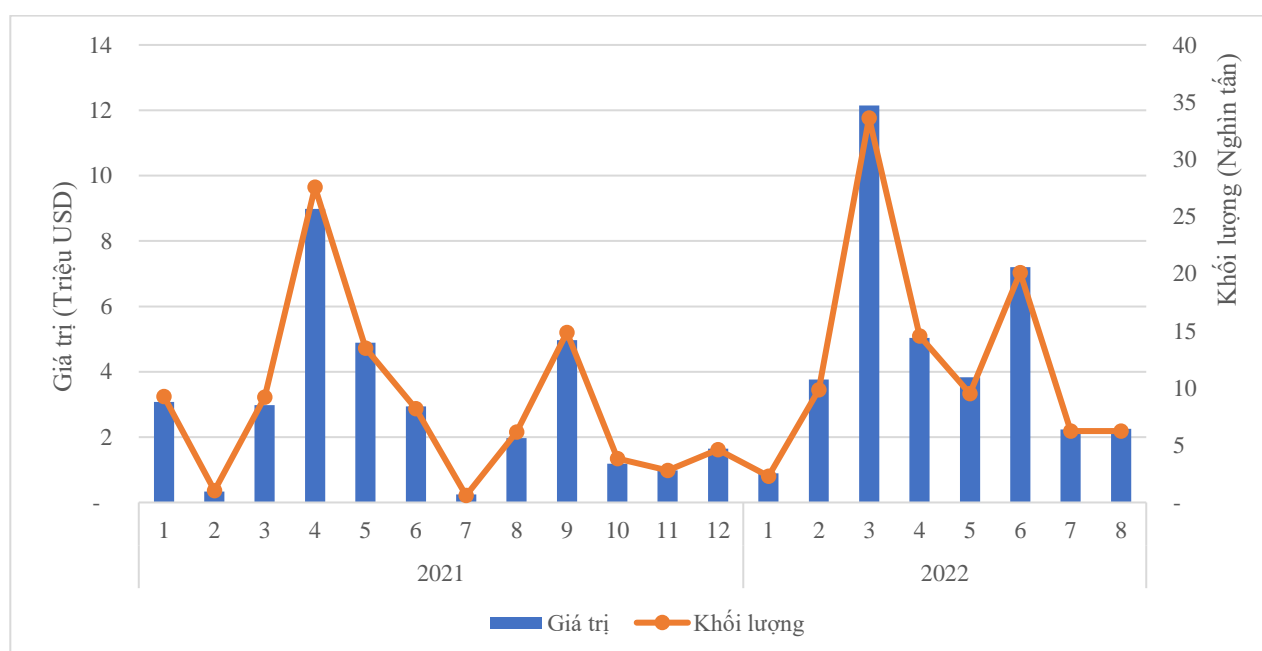
Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, 7 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc nhập khẩu 19,84 nghìn tấn tinh bột sắn (HS 110814), trị giá 10,88 triệu USD, tăng 180,6% về lượng và tăng 208,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thái Lan, Việt Nam và Indonesia là ba thị trường cung cấp tinh bột sắn cho thị trường Hàn Quốc trong 7 tháng đầu năm 2022.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2022, Việt Nam xuất khẩu được 6.252 tấn sắn và sản phẩm từ sắn, trị giá 2,25 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 0,3% về khối lượng và 0,8% về giá trị so với tháng 7/2022; tăng 1,6% về khối lượng và 14,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2022, khối lượng sắn và sản phẩm từ sắn xuất khẩu sang thị trường này đạt 105.638 tấn, trị giá đạt xấp xỉ 37,33 triệu USD, tăng 3% về khối lượng và tăng 2,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

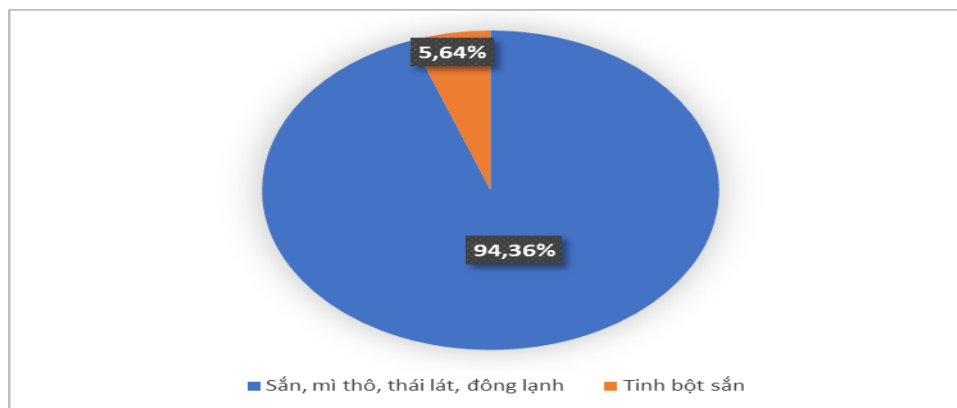
Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 3% về khối lượng và 2,3% về giá trị xuất khẩu sắn của Việt Nam trong tháng 8 năm 2022. Trong đó, sắn lát, đông lạnh đạt 2,12 triệu USD (chiếm 94,36% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), tăng 8,1% với cùng kỳ năm 2021 và giảm 0,9% so với tháng trước; tinh bột sắn đạt 126 nghìn USD (chiếm 5,6%) giảm 1% so với tháng trước.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc



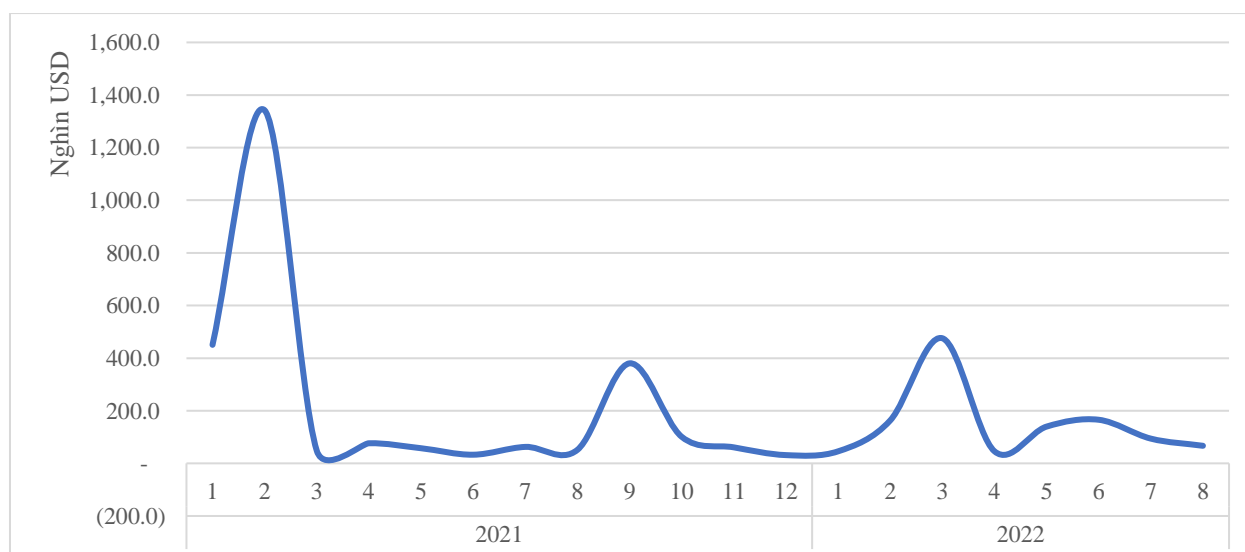
Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Cục Thông tin Thương mại Nông nghiệp Hàn Quốc (KATI) cho biết quốc gia châu Á này đã nhập khẩu khoảng 948,3 triệu USD giá trị thịt heo trong 5 tháng đầu năm. Con số này tăng mạnh so với mức 692,1 triệu USD của năm ngoái và là giá trị nhập khẩu cao nhất mọi thời đại. Đối với thịt heo mớc hàm, Hàn Quốc duy trì là quốc gia có mức giá cao nhất, với giá đạt gần 99.700 đồng/kg

Trong tháng 8/2022, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 66,7 nghìn USD, tăng 29,7% so với tháng 8/2022 và giảm 29% so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc



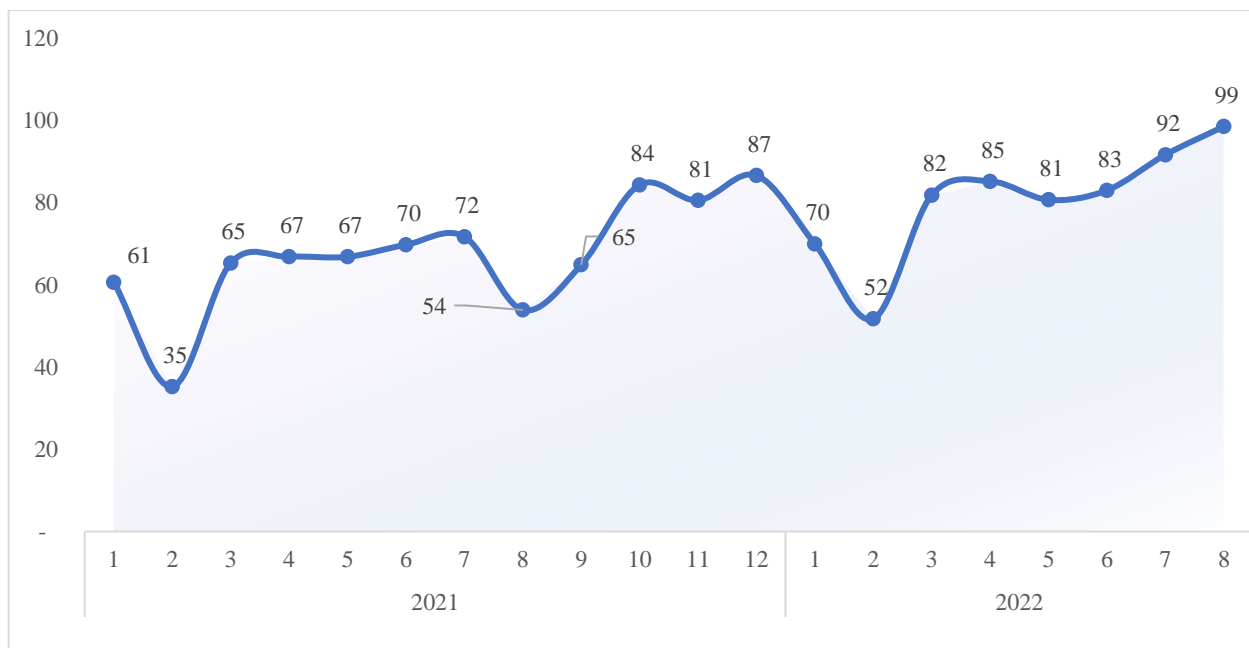
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 8/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 7,8 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 4,3% so với tháng trước, và tăng 121,8% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt và phụ phẩm giết mổ từ gia cầm gần 100% đạt 7,8 triệu USD tăng 123,1% so với tháng 8/2021 và 1,8% so với tháng trước.

7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt hơn 98,5 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 7 tháng đầu năm đạt 642,6 triệu USD, chiếm 8,4% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 31,1% so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 54,5%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 23,5%.

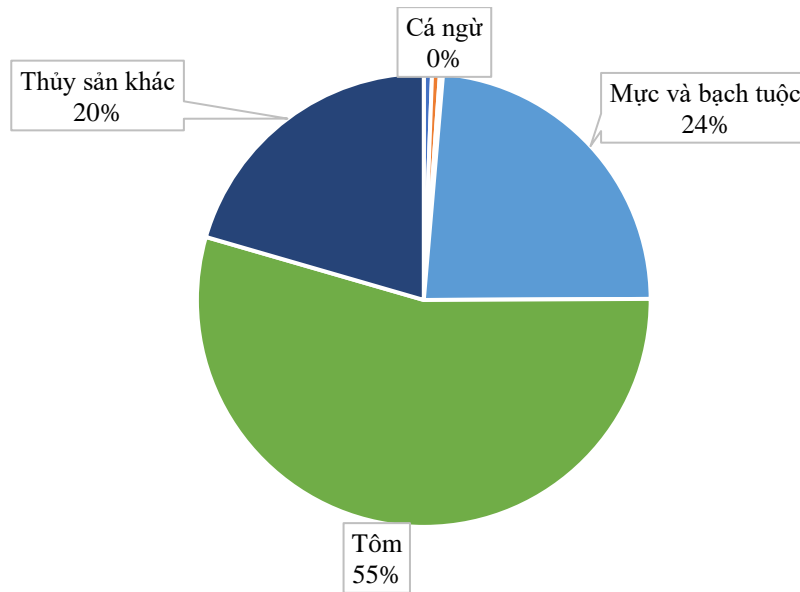
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, tăng 82,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 7,5% so với tháng 7/2022.

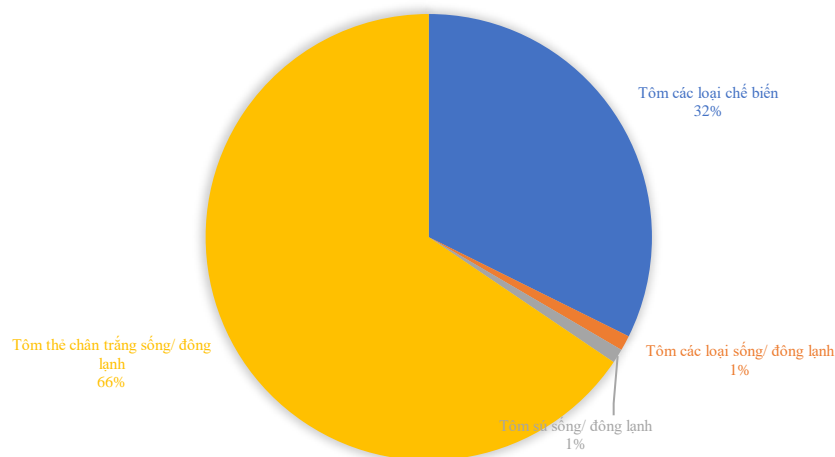
Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 8/2022 đạt 53,7 triệu USD, chiếm 54,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 104,8% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 65,5%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 32,3% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2022



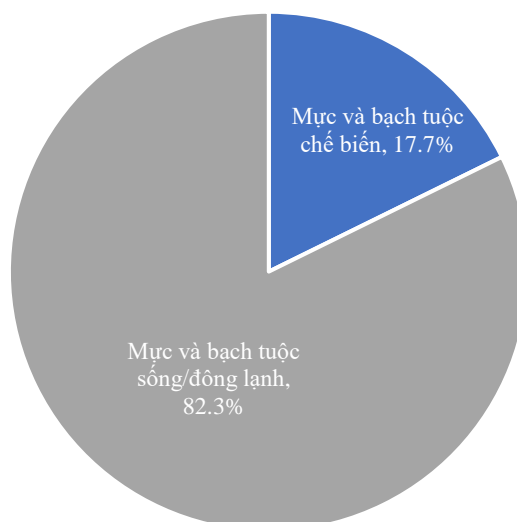
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 8/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 35,3 triệu USD, tăng 114,9% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến

đạt 17,3 triệu USD, tăng 92,7%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,6 triệu USD, tăng 395,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,6 triệu USD, giảm 22,1%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 8 năm 2022 đạt 23,2 triệu USD, tăng 58,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 19,2 triệu USD, tăng 48,3% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 4,1 triệu USD, tăng 129,1%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 8/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 8/2022: Cua – ghẹ đạt 0,1 triệu USD, tăng 77,1%; cá da trơn đạt 0,6 triệu USD, tăng 325% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ đạt 0,5 triệu USD tăng 78,4%; thủy sản khác đạt 20,2 triệu USD, tăng 62,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 8/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,8 USD/kg, tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 11 USD/kg, tăng 22,6%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2022

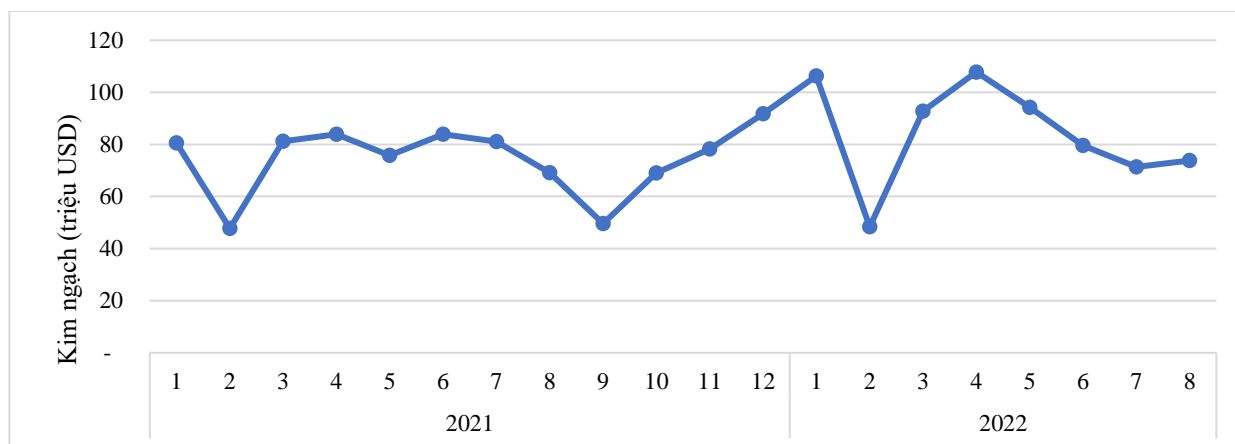
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3.0	27.6%	-17.5%
2	Cá rô phi	4.2	-6.1%	-20.0%
3	Cua, ghẹ	2.7	7.5%	-31.4%
4	Mực và bạch tuộc	2.8	-29.7%	-56.6%
5	Tôm	11.0	22.6%	-5.8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 08/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 73,8 triệu USD, tăng 3,4% so với tháng trước và 6,9% so với cùng kỳ năm 2021.

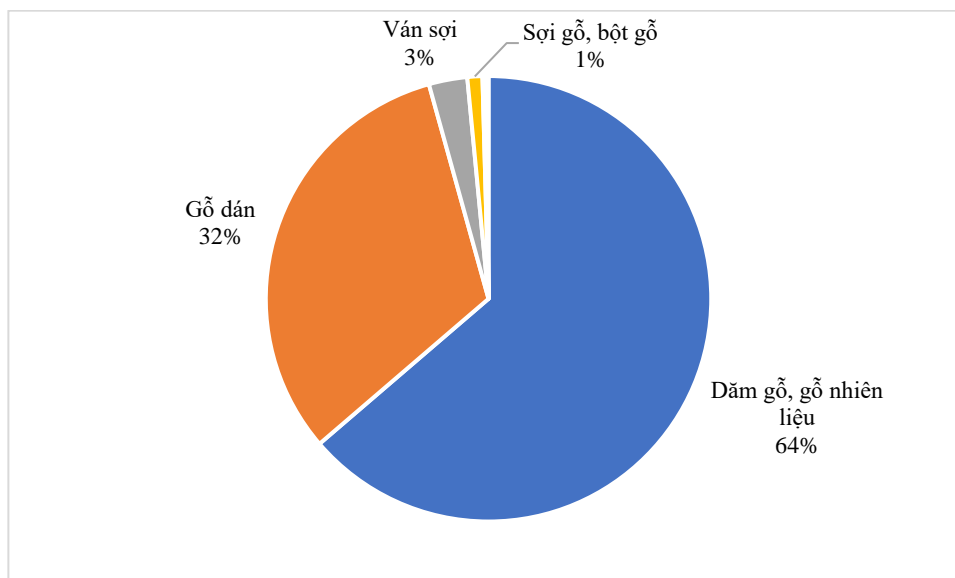
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 08/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 35,1 triệu USD, chiếm 63,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 17,6 triệu USD, chiếm 32,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 2,8% và 1,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 8/2022

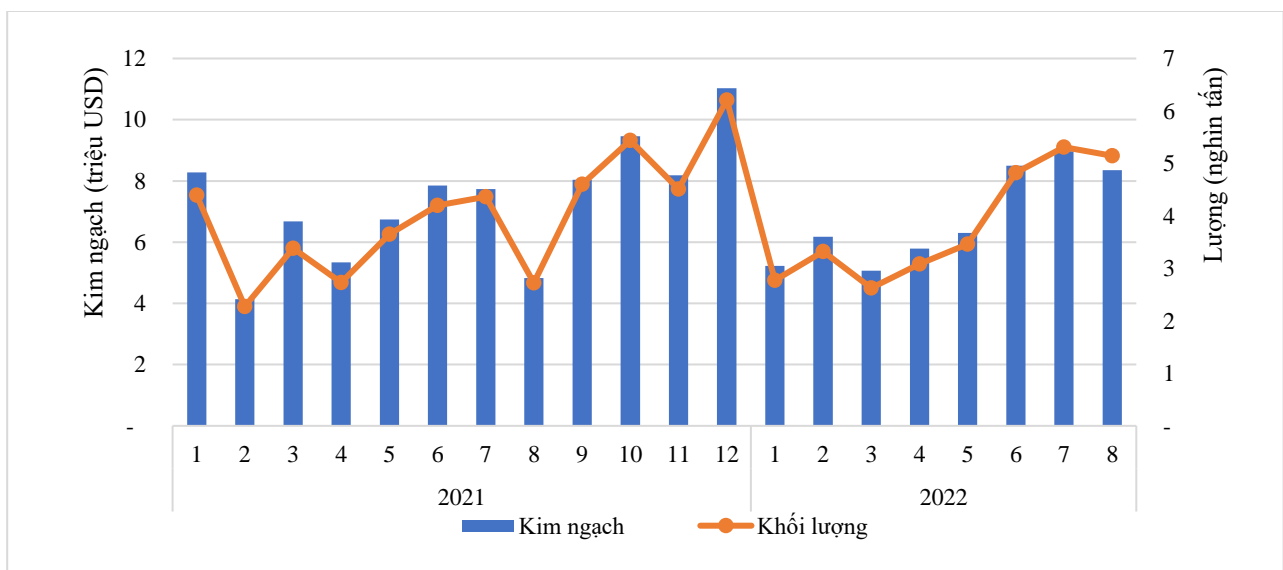


Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 08/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 5,2 nghìn tấn với trị giá 8,35 triệu USD, giảm 3,1% về khối lượng và 6,9% về giá trị so với tháng trước; tăng 89,1% về khối lượng và 72,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

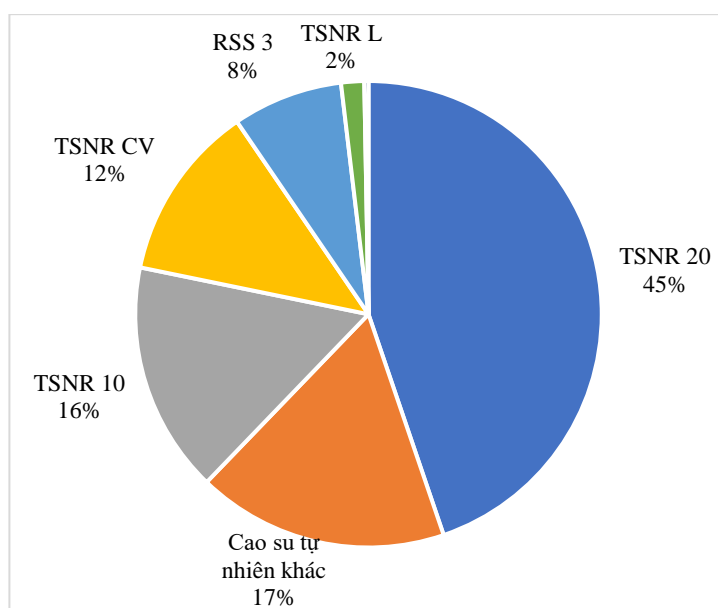
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 08/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 3,7 triệu USD, chiếm 44,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 10 với kim ngạch 1,32 triệu USD, chiếm 16% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR CV và RSS 3 có giá trị xuất khẩu lần lượt là 1 triệu USD và 630 nghìn USD, chiếm 12,2% và 7,6% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR L và mù cao su tự nhiên chiếm lần lượt 1,6% và 0,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

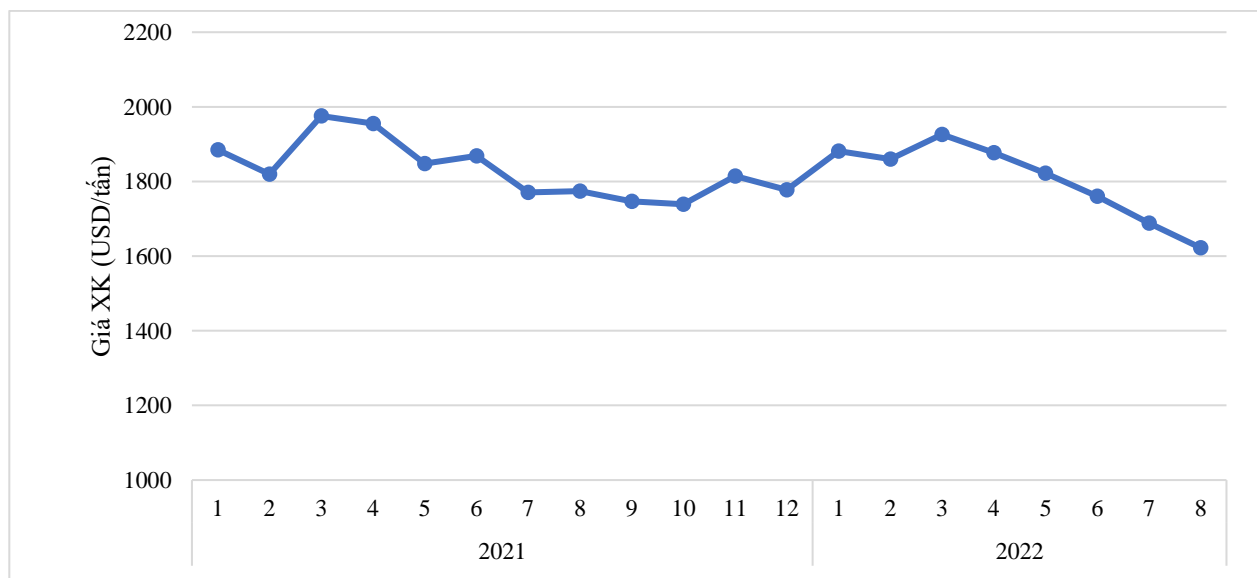
Hình 22: Chứng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 8/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.622 USD/tấn trong tháng 08/2022, giảm 3,9% so với tháng trước, và giảm 4,6 % so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Vào cuối tháng 9/2022, chính phủ Hàn Quốc đã đồng ý thu mua 450 nghìn tấn gạo trong năm nay để ổn định giá và đảm bảo đời sống cho nông dân trồng lúa trong bối cảnh giá lúa gạo nước này đã chạm đáy thấp nhất 45 năm nay do tác động của thừa cung. Ước tính chính phủ Hàn Quốc sẽ phải chi 700 triệu USD để thực hiện quyết định này. Chính phủ cũng đang lên kế hoạch sửa đổi các quy định để có thể mở rộng mức dự trữ hơn. Trong tương lai, Hàn Quốc có thể sẽ thu mua dự trữ khoảng 900 nghìn tấn gạo hàng năm, tương đương với khoảng 25% sản lượng gạo của nước này.

2. Sắn

Thị phần sắn và tinh bột sắn của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc liên tục giảm từ đầu năm tới nay do bị cạnh tranh mạnh bởi sản phẩm cùng loại từ Thái Lan. Để thúc đẩy sản phẩm sang thị trường Hàn Quốc, các nhà máy chế biến sắn và các sản phẩm sắn của Việt Nam cần đổi mới để phát triển đa dạng các sản phẩm sắn.

3. Thịt

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 8/2022

STT	Sản phẩm	T8/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T8/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	7.930.506	14,65%	3,60%
2	Cao su	8.353.445	72,92%	3,80%
3	Gỗ và SP gỗ	73.838.774	6,85%	33,56%
4	Hàng rau quả	14.279.110	28,64%	6,49%
5	Hàng thủy sản	98.517.722	82,81%	44,77%
6	Hạt tiêu	1.352.885	49,48%	0,61%
7	Phân bón các loại	1.200.446	386,77%	0,55%
8	Mây tre đan	2.136.896	167,16%	0,97%
9	SP từ cao su	8.562.629	55,40%	3,89%
10	Sắn và SP từ sắn	2.251.988	14,52%	1,02%
11	TAGS & NL	1.617.624	-17,42%	0,74%
Tổng XK NLTS		220.042.025		100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 8/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 8/2021		Tháng 8/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	0	0	18.817	9.370.287	n/a	n/a
2.	Gạo thơm	32	18.640	30	15.929	-5,1%	-14,5%
3.	Các loại gạo khác	11	6.612	13	8.032	18,1%	21,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 8/2022

Mặt hàng	T8/2021 (USD)	T8/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.520.307	5.937.835	31,36%
Cà phê tan	1.168.653	516.721	-55,78%
Đã rang chưa khử cafein	568.159	430.139	-24,29%
Chưa rang đã khử cafein	200.912	775.638	286,06%
Khác	483.545	224.563	-53,56%
Đã rang đã khử cafein		37.233	
Tổng	6.941.576	7.922.129	14,13%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 8/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 8/2021	Tháng 8/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	11.099.757	14.279.110	28,6%
1	Hạt mè	3.569.929	3.795.542	6,3%
2	Chuối	670.522	1.384.314	106,5%
3	Xoài	791.310	1.363.708	72,3%
4	Thanh long	709.836	1.292.718	82,1%
5	Bưởi	161.832	462.427	185,7%
6	Chanh leo	298.654	448.896	50,3%
7	Khác	4.897.674	5.531.505	12,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 8/2022

TT	Sản phẩm	T8/2021 (USD)	T8/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	1.966.486	2.124.997	8%
2	Tinh bột sắn		126.991	
	Tổng giá trị XK	1.966.486	2.251.988	15%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 8/2022

Loại sản phẩm	Tháng 8/2022 (USD)	Tháng 8/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	570,957.0	175,657.0	225.0%
Cá ngừ	547,416.9	306,812.0	78.4%
Cá rô phi	124,373.0	83,316.2	49.3%
Cua, ghe	90,348.0	51,027.2	77.1%
Mực và bạch tuộc	23,181,222.1	14,650,845.8	58.2%
Tôm	53,667,321.9	26,208,496.9	104.8%
Thủy sản khác	20,336,083.2	12,414,924.9	63.8%
Tổng	98,517,722.0	53,891,080.0	82.8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan